

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 9 - 2022

*V/v Tranh chấp thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Tùng.
- Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Hoài Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2022, về việc *Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **ĐÀO THỊ HỒNG T**, sinh năm 1986;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Bắc Ngõa, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Tạm trú: Thôn Nà Ngà, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh **PHẠM DUY C**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn 01, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(chị T và anh C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **ĐÀO THỊ HỒNG T** trình bày: Tôi và anh **PHẠM DUY C** trước đây được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn tôi và anh C có 01 người con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017. Năm 2020, do vợ chồng mâu thuẫn không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên tôi có đơn xin ly hôn với anh C. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày

04/01/2021 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa tôi và anh C. Về con chung, quyết định có công nhận sự thỏa thuận của tôi và anh C là giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017, cho anh PHẠM DUY C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, tôi luôn gặp sự cản trở từ phía anh C và gia đình anh C về việc thăm nom cháu T; việc cản trở này có sự chứng kiến của chính quyền địa phương thôn, xã.

Tại phiên tòa hôm nay tôi xác định việc anh C đã cản trở và gây khó khăn cho tôi khi đi lại thăm nom con chung là cháu T, bên cạnh đó hiện nay tôi có đủ điều kiện về thời gian, vật chất, tinh thần để nuôi dạy cháu T, cũng như tôi cam đoan sẽ cho cháu T được phát triển về thể chất và tinh thần trong môi trường tốt, nên tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho tôi được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và tôi không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi. Tôi cam đoan tạo mọi điều kiện tốt nhất để anh C và gia đình anh C đi lại thăm nom cháu T.

Bị đơn anh PHẠM DUY C trình bày tại Biên bản tự khai; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Tôi công nhận lời trình bày của chị ĐÀO THỊ HỒNG T về việc kết hôn và ly hôn giữa tôi và chị T là đúng thực tế. Tôi xác định rõ là sau khi Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 04/01/2021, của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có hiệu lực pháp luật cháu Phạm Thanh T do tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thì tôi và gia đình tôi vẫn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để chị T đi lại thăm nom cũng như đón cháu T về nhà chị T ở huyện C, tỉnh Tuyên Quang, chơi vào những ngày nghỉ một thời gian tôi mới đón cháu T về, chứ tôi và gia đình tôi không gây bất cứ cản trở, khó khăn nào về việc chị T đến thăm nom cháu T. Tôi xác định từ sau khi ly hôn đến nay, tôi đã tạo được môi trường tốt sống ổn định cho cháu T; tôi có đầy đủ điều kiện về thời gian, vật chất, tinh thần để trực tiếp nuôi dạy cháu T; bên cạnh đó cháu T đang học tập, vui chơi quen Trường, quen lớp và các bạn, nên tôi không nhất trí giao cháu T cho chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; tôi không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi. Tôi cam đoan tạo mọi điều kiện tốt nhất để chị T và gia đình chị T đi lại thăm nom cháu T, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị T cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 04/01/2021, của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Giấy khai sinh mang tên Phạm Thanh T.

- 02 (Hai) bản phô tô đơn trình báo và Biên bản sự việc.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên Vũ Văn Chính, đã chuyển nhượng cho ĐÀO THỊ HỒNG T ngày 11/7/2022.

- 01 (Một) bản sao có chứng thực Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phạm Thị Khuyên.

- Giấy tờ liên quan đến chị T bán hàng Gas; Phiếu thu tiền thuế; giấy tờ mua Bảo hiểm.

Anh C không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang, xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú của chị T được biết: Chị T đang sống một mình tại nhà riêng ở thôn Nà Ngà, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Chị T hiện không kết hôn với ai, không có con riêng ngoài cháu Phạm Thanh T. Chị T hiện kinh doanh Gas. Mức thu nhập bình quân của người lao động phổ thông tại địa phương là 3.800.000 đồng/tháng.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú của anh C được biết: Anh C hiện đang kinh doanh Gas tại nhà có thu nhập ổn định, nhưng vì là kinh doanh tự do, nên địa phương không biết rõ mức thu nhập hàng tháng của anh C. Hiện anh C không kết hôn với ai, không có con riêng ngoài cháu Phạm Thanh T. Địa phương có nghe nói anh C và bố mẹ anh C vẫn cho chị T thăm gặp cháu T; nhưng có lần anh C không cho đón cháu T vì ảnh hưởng đến việc học của cháu T, nên ngày 30/4/2021 thôn đã lập Biên bản hòa giải về việc chị T đến thăm con.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại Công an xã L, thành phố T được biết: Tháng 01 năm 2022, Công an xã L có nhận được tin báo của chị ĐÀO THỊ HỒNG T là vợ trước đây của anh PHẠM DUY C về đòi co, tranh cãi nhau việc anh C không cho chị T thăm con chung của chị T và anh C là cháu Phạm Thanh T. Công an xã đã nhắc nhở, hòa giải cho hai bên xong mà không lập Biên bản gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự nhiều lần, nhưng không thành. Chị T và anh C đều đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, về việc *Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định. Ý thức chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 82; 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 28; Điều 35; 39; 147; khoản 1 Điều 235; Điều 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị ĐÀO THỊ HỒNG T.

Giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017, cho chị ĐÀO THỊ HỒNG T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh PHẠM DUY C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị ĐÀO THỊ HỒNG T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Anh C phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị ĐÀO THỊ HỒNG T và anh Phạm Văn Chiến trước đây là vợ chồng, đến năm 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 04/01/2021, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh C. Về con chung quyết định có công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh C là giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017, cho anh PHẠM DUY C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T cho rằng anh C cản trở việc chị T thăm nom cháu T, nên chị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung yêu cầu giải quyết của nguyên đơn chị ĐÀO THỊ HỒNG T: Xét thấy chị T và anh C trước đây là vợ chồng, có 01 người con chung là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017. Năm 2021, do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, nên chị T xin ly hôn với anh C. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 04/01/2021, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đã công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh C. Về con chung, quyết định có công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh C là giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017, cho anh PHẠM DUY C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự; căn cứ kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị T và anh C; căn cứ kết quả xác minh tại Công an xã L, thành phố T và các tài

liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; xét thấy sau khi giải quyết ly hôn anh C là người được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Tùng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng trên thực tế ngày 30/4/2021 và tháng 01/2022, anh C đã gây cản trở cho việc chị T đến thăm nom con chung là cháu T, dẫn đến thôn và Công an xã phải đến làm việc giữa hai bên. Cháu T tính đến ngày xét xử sơ thẩm mới chỉ hơn 05 tuổi, đang học Trường mầm non, nên cháu T là trẻ em cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, cũng như để đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ, trẻ em trong cuộc sống, học tập, vui chơi của cháu T; bên cạnh đó chị T có nhà, đất và có đủ các điều kiện về thời gian, vật chất, tinh thần để trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị ĐÀO THỊ HỒNG T về việc *Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn* với anh PHẠM DUY C là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017, là có căn cứ theo Điều 82; 84 của Luật hôn nhân và gia đình, cũng như phù hợp với thực tế của đương sự.

Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nên anh C phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Chị T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 82; 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 28; Điều 35; 39; 147; khoản 1 Điều 235; Điều 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị ĐÀO THỊ HỒNG T về việc *Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn* với anh PHẠM DUY C là cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017.

Giao cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017, cho chị ĐÀO THỊ HỒNG T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh PHẠM DUY C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị ĐÀO THỊ HỒNG T và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Phản quyết định này của bản án thay cho phản quyết định về con chung đối với cháu Phạm Thanh T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2017, của Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 05/2021/QĐST-

HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: - Anh PHẠM DUY C phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Chị ĐÀO THỊ HỒNG T không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị ĐÀO THỊ HỒNG T toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000224, ngày 25 tháng 02 năm 2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị ĐÀO THỊ HỒNG T và anh PHẠM DUY C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND xã L (để biết);
- UBND xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn